

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2019

V/v ly hôn giữa

Chị T và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lệ Trinh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan T**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh **Phạm Trung Thái D**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2019 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T trình bày: Chị và anh Phạm Trung Thái D cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An. Theo chị, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn với anh D và gia đình chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh D đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Trung Thái D.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nam T, sinh ngày 30/8/2016. Cháu T đang do anh D nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T đồng ý cho anh D được tiếp tục nuôi cháu T; chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Trung Thái D trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Nam T, sinh ngày 30/8/2016, hiện cháu T đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Lan T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Trung Thái D. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Trung Thái D đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan T và anh Phạm Trung Thái D chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng mâu thuẫn nhau và do chị T mâu thuẫn với gia đình chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Trung Thái D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh D đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, chị T yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do chị T cung cấp, chị T và anh D có 01 con chung là cháu Phạm Nam T, sinh ngày 30/8/2016. Anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và chị T đồng ý nên Hội đồng xét xử quyết định anh D được tiếp tục nuôi cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Trung Thái D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T và anh D đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[2.4] Về nợ chung: Chị T xác định không có, anh D không trình bày vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lan T và anh Phạm Trung Thái D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan T về việc “Ly hôn” với anh Phạm Trung Thái D.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan T được ly hôn với anh Phạm Trung Thái D.

2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Trung Thái D được tiếp tục nuôi con chung là cháu Phạm Nam T, sinh ngày 30/8/2016. Chị Nguyễn Thị Lan T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0001579 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung